TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/KDTM-PT
Ngày: 14-3-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Thiện Kế.

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

***Thư ký phiên toà*:** Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2019, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/KDTM-ST ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S (S)

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Địa chỉ: đường N, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sĩ K. Địa chỉ: đường T, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*:

1/ Ông Võ Văn G, sinh năm 1958. (có mặt)

2/ Bà Trương Thị Lệ H, sinh năm 1978. (có mặt)

Cùng địa chỉ: khóm M, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Văn G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 20/9/2018 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12/12/2014 bà Trương Thị Lệ H, ông Võ Văn G có vay của Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Sóc Trăng – phòng giao dịch N số tiền 80.000.000 đồng, theo hợp đồng cho vay số LD 1434600229. Thỏa thuận cụ thể như sau: thời hạn trả nợ ngày 12/12/2019; lãi suất vay 06 tháng đầu tiên là 1,2%/tháng, lãi suất này chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (nếu có) lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ (theo mẫu của Ngân hàng), tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 7 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng + 0,55%/tháng và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 06 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay, lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là lãi suất điều chỉnh nhưng định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh; phương thức trả nợ là vốn gốc và lãi được trả vào ngày 27 dương lịch hàng tháng, lãi theo dư nợ giảm dần. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD 1434600229.1 ngày 12/12/2014 của bà Trương Thị Lệ H, ông Võ Văn G đã dùng tài sản của mình để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP S chi nhánh Sóc Trăng – phòng giao dịch N như sau: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 160 m^2, tại thửa đất số 791, tờ bản đồ 04, tọa lạc tại ấp 1, thị trấn N, huyện N (nay là khóm 1, phường 1, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 967258 do UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp ngày 17/6/2010 cho ông Võ Văn G. Trong quá trình giao dịch tính đến ngày 27/7/2018 thì bà H, ông G đã trả cho Ngân hàng số tiền 83.268.923 đồng (trong đó vốn gốc là 55.986.000 đồng, lãi là 27.282.923 đồng), hiện nay bà H, ông G không thanh toán cho Ngân hàng do đó để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thương lượng nhưng bà H, ông G vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Số tiền mà bà Trương Thị Lệ H, ông Võ Văn G còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 13/12/2018 là 25.716.545 đồng, trong đó vốn gốc là 24.014.000 đồng, lãi tồn đọng là 1.702.545 đồng.

Theo tờ tường trình lập ngày 11/10/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Võ Văn G trình bày:

Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay của Ngân hàng TMCP S chi nhánh Sóc Trăng – phòng giao dịch N số tiền 80.000.000 đồng, theo hợp đồng cho vay số LD 1434600229 ngày 12/12/2014 và có ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số LD 1434600229.1 ngày 12/12/2014 với Ngân hàng, hiện nay còn thiếu số tiền vốn 24.014.000 đồng và lãi như Ngân hàng khởi kiện là đúng, do kinh tế gia đình ông gặp khó khăn nên ông có thỏa thuận với Ngân hàng cho ông trả mỗi ngày 100.000 đồng, ông đã thực hiện được đến khoảng tháng 07/2018 thì ngưng do kinh tế khó khăn. Nay ông yêu cầu được trả dần số tiền còn thiếu cho Ngân hàng trong thời hạn 06 tháng vì ông không có khả năng thanh toán một lần cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Trương Thị Lệ H không có văn bản trình bày ý kiến.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án kinh donh thương mại sơ thẩm số: 07/2018/KDTM-ST ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 290, 474, 720 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 1, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Trương Thị Lệ H và ông Võ Văn G cùng có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vốn gốc là 24.014.000 đồng và tiền lãi là 1.702.545 đồng, tổng cộng là 25.716.545 đồng (*hai mươi lăm triệu, bảy trăm mười sáu ngàn, năm trăm bốn mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày 14/12/2018 cho đến khi bà Trương Thị Lệ H, ông Võ Văn G thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S, thì hàng tháng ông, bà còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng trín dụng số LD 1434600229 ngày 12/12/2014.

2/ Trường hợp bà Trương Thị Lệ H, ông Võ Văn G không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 160 m^2, tại thửa đất số 791, tờ bản đồ 04, tọa lạc tại ấp 1, thị trấn N, huyện N (nay là khóm 1, phường 1, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 967258 do UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp ngày 17/6/2010 cho ông Võ Văn G, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD 1434600229.1 ngày 12/12/2014.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27-12-2018, ông Võ Văn G kháng cáo bản án sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét giải quyết: Cho ông G trả dần nợ gốc cho nguyên đơn với số tiền 24.014.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật trong vòng sáu tháng, do hoàn cảnh của ông hiện nay quá khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề

nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông G và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thời hạn kháng cáo: ngày 13/12/2018 Tòa án nhân dân thị xã N ban hành bản án số 07/2018/KDTM-ST, đến ngày 27/12/2018 bị đơn ông Võ Văn G kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên. Hội đồng xét xử, xác định việc kháng cáo của ông G là trong thời hạn luật định được quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Bị đơn ông G kháng cáo bản án sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Cho ông G trả dần nợ gốc cho nguyên đơn với số tiền 24.014.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật trong vòng sáu tháng, do hoàn cảnh của ông hiện nay quá khó khăn.

[3] Hội đồng xét xử, thấy rằng vào ngày 12/12/2014, giữa Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh Sóc Trăng, Phòng Giao dịch N (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông Võ Văn G, bà Trương Thị Lệ H có kết kết Hợp đồng cho vay số LD 1434600229, có nội dung thể hiện: Số tiền vay 80.000.000 đồng, lãi suất vay 06 tháng đầu tiên là 1,2%/tháng, lãi suất này chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (nếu có) lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ (theo mẫu của Ngân hàng), tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 7 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng + 0,55%/tháng và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 06 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay, lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là lãi suất điều chỉnh nhưng định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh; phương thức trả nợ là vốn gốc và lãi được trả vào ngày 27 dương lịch hàng tháng, lãi theo dư nợ giảm dần. Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, Ngân hàng và ông G, bà H tiếp tục thỏa thuận ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số LD 1434600229.1 ngày 12/12/2014, có nội dung thỏa thuận: Bà Trương Thị Lệ H, ông Võ Văn G đã dùng tài sản của mình để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP S chi nhánh Sóc Trăng – phòng giao dịch N như sau: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 160 m^2, tại thửa đất số 791, tờ bản đồ 04, tọa lạc tại ấp 1, thị trấn N, huyện N (nay là khóm 1, phường 1, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 967258 do UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp ngày 17/6/2010 cho ông Võ Văn G. Đến ngày 13/12/2014, giữa Ngân hàng và ông G, bà H tiếp tục ký kết với nhau vào Giấy nhận nợ, thể hiện số nợ 80.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 12/12/2019. Trong quá trình giao dịch tính đến ngày 27/7/2018 thì bà H, ông G đã trả cho Ngân hàng số

tiền 83.268.923 đồng (trong đó vốn gốc là 55.986.000 đồng, lãi là 27.282.923 đồng), hiện nay bà H, ông G không thanh toán cho Ngân hàng do đó để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thương lượng nhưng bà H, ông G vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Số tiền mà bà Trương Thị Lệ H, ông Võ Văn G còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 13/12/2018 là 25.716.545 đồng, trong đó vốn gốc là 24.014.000 đồng, lãi tồn đọng là 1.702.545 đồng.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông G cũng đã thừa nhận cợ chồng ông có vay của Ngân hàng số tiền 80.00.000 đồng theo hợp đồng cho vay và có thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay nêu trên. Hiện nay, còn thiếu số tiền vốn 24.014.000 đồng và lãi như Ngân hàng khởi kiện là đúng, do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên ông có thỏa thuận với Ngân hàng cho ông trả mỗi ngày 100.000 đồng, ông đã thực hiện được đến khoảng tháng 7/2018 thì ngưng do kinh tế khó khăn, không buôn bán được.

[5] Như vậy, cho thấy rằng giữa Ngân hàng và ông G đã thống nhất với nhau về số tiền nợ còn lại phải thanh toán cho Ngân hàng tính đế ngày 13/12/2018 là 25.716.545 đồng (trong đó vốn gốc: 24.014.000 đồng và tiền lãi là: 1.702.545 đồng). Do trong quá trình giao dịch thì đến ngày 27/7/2018, phía ông G, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay để làm phát sinh nợ quá hạn được quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và đồng thời vi phạm Điều 5 của Hợp đồng cho vay số LD 1434600229 ngày 12/12/2014 nêu trên về việc thu hồi nợ trước hạn.

[6] Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện đòi lại số tiền bà ông G, bà H còn nợ là 25.716.545 đồng và được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông G, bà H trả số nợ nêu trên, kèm theo xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[7] Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc ông G kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông trả dần nợ gốc và tiền lãi trong vòng 06 tháng là không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Do kháng cáo của bị đơn ông G không được chấp nhận nên ông G phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định lại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, do ông G thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn G về việc cho ông G trả dần nợ gốc cho nguyên đơn với số tiền 24.014.000 đồng và tiền lãi theo quy định của

pháp luật trong vòng sáu tháng, do hoàn cảnh của ông hiện nay quá khó khăn.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

Bản án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

"1/ Buộc bà Trương Thị Lệ H và ông Võ Văn G cùng có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vốn gốc là 24.014.000 đồng và tiền lãi là 1.702.545 đồng, tổng cộng là 25.716.545 đồng (hai mươi lăm triệu, bảy trăm mười sáu ngàn, năm trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 14/12/2018 cho đến khi bà Trương Thị Lệ H, ông Võ Văn G thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S, thì hàng tháng ông, bà còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD 1434600229 ngày 12/12/2014.

2/ Trường hợp bà Trương Thị Lệ H, ông Võ Văn G không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 160 m^2, tại thửa đất số 791, tờ bản đồ 04, tọa lạc tại ấp 1, thị trấn N, huyện N (nay là khóm 1, phường 1, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 967258 do UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp ngày 17/6/2010 cho ông Võ Văn G, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD 1434600229.1 ngày 12/12/2014.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

3.1/ Về án phí:

Bà Trương Thị Lệ H và ông Võ Văn G phải chịu án phí là 3.000.000 đồng (mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng). Ông G được miễn nộp tiền án phí nên bà H phải chịu số tiền án phí 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm ngàn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu số 0005066, ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3.2/ Về chi phí thẩm định tài sản: Bà Trương Thị Lệ H, ông Võ Văn G cùng chịu chi phí thẩm định tài sản là 550.000 đồng (năm trăm năm mươi ngàn đồng). Do Ngân hàng thương mại cổ phần S đã tạm ứng xong nên bà H, ông G có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 550.000 đồng cho Ngân hàng."

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông G được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Thiện Kế

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TX N;
- Chi cục THADS TX N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.